

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2023/HNGĐ-ST**.

Ngày: 10 tháng 8 năm 2023.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Công Ích;

2/ Bà Vương Thị Thu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Bùi Thanh H1, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Khu B, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Về tình cảm vợ chồng: Anh và chị Bùi Thanh H1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi đó, anh làm nghề lái xe ở xã H Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh sống chung với gia đình. Thời gian ở chung với gia đình là ba tháng (từ 01/01/2023 đến 27/3/2023), tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc

được 2 tháng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm, do anh chị không có tiếng nói chung, hay cãi nhau, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, anh chị đã ly thân. Anh yêu cầu được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Anh chị hiện nay chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn là chị Bùi Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa xác định quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Bùi Thanh H1. Về con chung: Anh H và chị H1 không có nên không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Anh H không yêu cầu giải quyết, mặt khác do chị H1 vắng mặt tại phiên tòa nên không giải quyết trong vụ án này mà tách ra để giải quyết bằng vụ việc khác khi có yêu cầu; Về án phí: anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thanh H1 là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu B, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là chị Bùi Thanh H1 vẫn vắng mặt không có lý do; Còn nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thanh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hôn nhân hợp pháp. Đến nay anh H yêu cầu được ly hôn chị H1, nhưng chị H1 không có văn bản, tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của chị đối với yêu cầu của anh H. Qua xác minh tại địa phương và bố đẻ của chị H1 là ông Bùi Văn H2 cung cấp: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau được 3 tháng thì chị H1 đi làm ăn ở Hà Nội nhưng không rõ địa chỉ. Khoảng đầu năm 2023, anh H và

chị H1 có báo cáo với gia đình là anh chị không chung sống với nhau nữa nên xin ly hôn. Gia đình có khuyên giải nhưng không được, nay tự anh chị quyết định hôn việc hôn nhân và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H1 và anh H hiện nay không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ thương yêu nhau; không cùng nhau đề vun vén, tạo lập cuộc sống gia đình dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh H và chị H1 không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh H không yêu cầu giải quyết và chị H1 vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, mà sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba như đã trình bày trên, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Bùi Thanh H1.

[3]. Về con chung: Anh H và chị H1 không có con chung, nên không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2020/0003752, ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Ba.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Thị Năm